

THÔNG BÁO THU TIỀN BÁN TRÚ THÁNG 01/2025 (THU 3 TUẦN)

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN THU	GHI CHÚ
	<u>Số ngày ăn trong tháng:</u>	Ăn trưa, xế: (14 ngày x 35.000đ); Ăn sáng: (14 ngày x 14.000đ)	Nghỉ 9 ngày (Trừ 1 ngày tham quan ngoại khoá khối 1,2,3 ngày 8/1, khối 4,5 ngày 7/1; 1 ngày Tết dương lịch & 7 ngày Tết Nguyên Đán)
I	KHỐI 1, KHỐI 2		
1	Tiền suất ăn trưa bán trú (Trưa, xế)	490.000	
2	Tiền nước uống (BT)	10.350	
3	Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện)	24.000	
4	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	15.000	
5	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	168.000	
6	Tiền tổ chức học các lớp năng khiếu câu lạc bộ (3 câu lạc bộ)	157.500	
7	Tiền tổ chức dạy tin học tự chọn	18.750	
8	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	45.000	
9	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học ICLC, iSMART	412.500	
10	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	51.750	
11	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	67.500	
12	Tiền suất ăn sáng (BT)	196.000	
13	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	45.000	
	Cộng thu	1.701.350	
	Cộng thu (có ăn sáng):		1.701.350
	Cộng thu (không ăn sáng):		1.460.350
II	KHỐI 3		
1	Tiền suất ăn trưa bán trú (Trưa, xế)	490.000	
2	Tiền nước uống (BT)	10.350	
3	Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện)	24.000	
4	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	15.000	
5	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	168.000	
6	Tiền tổ chức học các lớp năng khiếu câu lạc bộ (3 câu lạc bộ)	157.500	
7	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	45.000	
8	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học iSMART	412.500	
9	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	51.750	
10	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	67.500	
11	Tiền suất ăn sáng (BT)	196.000	
12	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	45.000	
	Cộng thu	1.682.600	
	Cộng thu (có ăn sáng):		1.682.600
	Cộng thu (không ăn sáng):		1.441.600
III	KHỐI 4, KHỐI 5		
1	Tiền suất ăn trưa bán trú (Trưa, xế)	490.000	
2	Tiền nước uống (BT)	10.350	
3	Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện)	22.000	
4	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	15.000	
5	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	168.000	
6	Tiền tổ chức học các lớp năng khiếu câu lạc bộ (3 câu lạc bộ)	157.500	
7	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	22.500	
8	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học iSMART	412.500	
9	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	51.750	
10	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	67.500	
11	Tiền suất ăn sáng (BT)	196.000	
12	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	45.000	
	Cộng thu	1.658.100	
	Cộng thu (có ăn sáng):		1.658.100
	Cộng thu (không ăn sáng):		1.417.100



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nam Hồng